TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST
Ngày: 16-01-2020.
Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hằng Nga.
2. Ông Hà Danh Vượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2019/QĐST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính AC.

Địa chỉ: Số X đường NQ, Phường L, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ Văn phòng đại diện: Lầu N, Số NL đường H, Phường HL, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn V; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 86, đường số AA, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. "Có mặt"

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phạm Quang B – Luật sư Văn phòng Luật sư Phạm Quang B thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số K, Đường số 6, Khu phố L, phường P, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. "Có mặt"

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị M, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Tổ N, ấp A, xã B, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

"Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/04/2019; Đơn kiện bổ sung ngày 06/11/2019; lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn - Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính AC trình bày:

Ngày 15/7/2010, Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính AC (Sau đây gọi là Công ty AC) và bà Phạm Thị M ký Hợp đồng hỗ trợ vốn số 0607/2010/HTV.AFI, theo đó Công ty AC cho bà Phạm Thị M vay số tiền 950.000.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng); thời hạn vay là 06 tháng, từ ngày 15/7/2010 đến ngày 10/01/2011; Lãi suất trong hạn là 2%/tháng; Mục đích sử dụng vốn vay: Tiêu dùng cá nhân.

Công ty AC chi tiền vay cho bà M 02 lần:

Lần thứ nhất: Vào ngày 15/7/2010, Công ty AC chi cho bà M vay số tiền 650.000.000 đồng;

Lần thứ hai: Vào ngày 26/10/2010, Công ty AC chi cho bà M vay số tiền 300.000.000 đồng.

Bà M đã nhận đủ tiền vay từ Công ty AC, nhưng đến hạn trả nợ là ngày 10/01/2011 bà M chưa trả khoản tiền lãi và tiền gốc nào cho Công ty AC.

Đến ngày 15/3/2011, bà M trả được 90.000.000 đồng tiền lãi. Sau đó không trả bất cứ khoản tiền nào cho Công ty AC. Công ty AC đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở và đôn đốc bà M trả nợ nhưng bà M không hợp tác.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay như sau:

Để bảo đảm cho khoản vay trên thì bà M thế chấp cho Công ty AC Quyền sử dụng đất diện tích là 4788m^2 và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 867, tờ bản đồ số 66 xã B, huyện Xuyên Mộc. Đất được Ủy ban nhân dân huyện Xuyên Mộc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 416447 ngày 08/01/2009 cho bà Phạm Thị M đứng tên.

Việc thế chấp và xử lý tài sản đảm bảo chỉ được ghi tại Điều 2, 5, 8, 10 của trong Hợp đồng số 0607/2010/HTV.AFI và bà M giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 416447 cho Công ty AC giữ, nhưng không làm hợp đồng thế chấp và không làm thủ tục đăng ký thế chấp theo quy định.

Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính AC yêu cầu những vấn đề sau:

- Yêu cầu bà Phạm Thị M phải trả cho Công ty AC số tiền nợ gốc là 950.000.000đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất chậm trả tiền tính từ ngày 11/01/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 16/01/2020) với mức 9%/năm trên tổng số nợ gốc 950.000.000 đồng; cụ thể: 950.000.000 đồng x 9%/năm x 09 năm x 05 ngày = 770.687.500 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi tính đến ngày 16/01/2020 là 1.720.687.500 đồng (Trong đó: Tiền gốc là 950.000.000 đồng và tiền lãi là 770.687.500 đồng).

- Đối với số tiền lãi suất trong hạn với mức 2%/tháng theo thỏa thuận trong hợp đồng từ ngày 15/7/2010 đến ngày 25/10/2010 đối với số tiền nợ gốc 650.000.000 đồng là 44.633.333 đồng và từ ngày 26/10/2010 đến ngày 10/01/2011 đối với số tiền nợ gốc 950.000.000 đồng là 48.766.667 đồng; tổng cộng lãi suất trong hạn là 93.400.000 đồng. Do ngày 15/3/3011, bà M đã trả được số tiền lãi 90.000.000 đồng Công ty AC, nay Công ty AC không yêu cầu Tòa án tính lại số tiền lãi bà M đã trả trên và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nợ lãi trong hạn 93.400.000 đồng.

- Trong trường hợp bà M không trả được hoặc trả không hết các khoản nợ cho Công ty AC thì Công ty AC yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp đã ghi trong Hợp đồng số 0607/2010/HTV.AFI để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất diện tích 4.788m^2 và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 867 tờ bản đồ số 66 xã B, huyện Xuyên Mộc. Đất được UBND huyện Xuyên Mộc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN 416447 ngày 08/01/2009 cho bà Phạm Thị M đứng tên.

Do bà M vay tiền với mục đích tiêu dùng cá nhân, không liên quan đến cá nhân nào khác, nên Công ty AC xác định chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân bà M có trách nhiệm trả nợ cho Công ty AC.

Bị đơn bà Phạm Thị M vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 37/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2019 và các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải kèm theo giấy triệu tập bà M đến Tòa án để làm việc, nhưng bà M đều vắng mặt không có lý do. Theo xác minh tại Công an xã B, huyện Xuyên Mộc thì bà M có nơi cư trú tại Tổ 19, ấp Thạnh Sơn 2B, xã B, huyện Xuyên Mộc nhưng thường xuyên vắng mặt ở nhà. Do không tống đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho bà M nên Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bà M và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của ông Phạm Quang B là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn - Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính AC:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty AC, buộc bà Phạm Thị M có nghĩa vụ trả cho Công ty AC số tiền nợ gốc 950.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh chậm trả tiền từ ngày 11/01/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 16/01/2020), với mức lãi suất 9%/năm trên tổng số nợ gốc 950.000.000 đồng.

Đối với số nợ lãi trong hạn từ ngày 15/7/2010 đến ngày 10/01/2011, nay Công ty AC không yêu cầu Tòa án giải quyết do bà M đã trả cho Công ty AC số tiền lãi 90.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu lãi trong hạn trên. Đồng thời Công ty AC không yêu cầu Tòa án xem xét lại số tiền lãi 90.000.000 đồng bà M đã trả, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp bà M không trả nợ hoặc không trả hết nợ cho Công ty AC, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty AC về việc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích 4.788m^2 và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 867 tờ bản đồ số 66 xã B, huyện Xuyên Mộc. Đất được UBND huyện Xuyên Mộc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử

dụng đất số AN 416447 ngày 08/01/2009 cho bà Phạm Thị M đứng tên để thu hồi nợ.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn giải quyết vụ án còn kéo dài quá 04 tháng, không có quyết định gia hạn là chưa đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nhưng Tòa án cần rút kinh nghiệm.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng là chưa chấp hành pháp luật và vắng mặt tại hai phiên tòa sơ thẩm, nên xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận một phần. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tiền lãi trong hạn của nguyên đơn từ ngày 15/7/2010 đến này 10/01/2011; buộc bị đơn trả nợ gốc và tiền lãi do chậm trả tiền cho nguyên đơn từ ngày 11/01/2011 đến ngày xét xử; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mại tài sản là Quyền sử dụng đất diện tích 4.788m^2, thuộc thửa đất số 867, tờ bản đồ số 66 xã B, huyện Xuyên Mộc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:*

Bà Phạm Thị M có nơi cư trú tại xã B, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty AC khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị M trả số tiền vay tiêu dùng cá nhân là 950.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về sự vắng mặt của đương sự:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, đồng thời triệu tập nhiều lần để bà M đến Tòa án làm việc, nhưng bà M đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến về nội dung vụ án, không xuất trình chứng cứ chứng minh mình không vay tiền của Công ty AC là đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để giải quyết vụ án.

Bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất mở ngày 31/12/2019 và phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai ngày 16/01/2020, nhưng bà M đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M theo quy định.

[3]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 950.000.000 đồng.*

Căn cứ Giấy đề nghị hỗ trợ vốn ngày 15/7/2010 của bà Phạm Thị M; Hợp đồng hỗ trợ vốn số 0607/2010/HTV.AFI ngày 15/7/2010 giữa Công ty AC và bà Phạm Thị M; giấy nhận nợ ngày 15/7/2010; phiếu chi số C07/07 ngày 15/7/2010, số tiền 650.000.000 đồng và phiếu chi số tiền 300.000.000 đồng ngày 26/10/2010. Xác định bà Phạm Thị M có vay của Công ty AC số tiền tổng cộng là 950.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 15/7/2010 đến ngày 10/01/2011; bà M đã nhận đủ tiền vay thể hiện tại các phiếu chi ngày 15/7/2010 và ngày 26/10/2010.

Đến ngày 11/01/2011, bà M không trả nợ gốc và lãi cho Công ty AC là vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã ký kết với Công ty AC tại hợp đồng số 0607/2010/HTV.AFI ngày 15/7/2010, nên Công ty AC khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền nợ vay 950.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4]. *Về lãi suất:*

[4.1]. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi trong hạn 2%/tháng từ ngày 15/7/2010 đến ngày 10/01/2011.

Căn cứ Hợp đồng số 0607/2010/HTV.AFI ngày 15/7/2010, hai bên thỏa thuận mức lãi suất trong hạn là 2%/tháng trên tổng số nợ gốc, cụ thể: Tiền lãi của số tiền nợ gốc 650.000.000 đồng từ ngày 15/7/2010 đến ngày 25/10/2010 là 44.633.333 đồng và tiền lãi của số tiền nợ gốc 950.000.000 đồng từ ngày 26/10/2010 đến ngày 10/01/2011 là 48.766.667 đồng; tổng cộng lãi suất trong hạn là 93.400.000 đồng. Ngày 15/3/2011, bà M đã trả cho Công ty AC số tiền lãi trong hạn là 90.000.000 đồng. Tại phiên tòa Công ty AC xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó không yêu cầu bà M phải trả số tiền lãi trong hạn từ ngày 15/7/2010 đến ngày 10/01/2011, với số tiền 93.400.000 đồng và đồng thời không yêu cầu Tòa án xem xét lại số tiền lãi đã trả 90.000.000 đồng.

Xét thấy việc rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 217, Điều 235 và Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn Công ty AC về việc buộc bị đơn bà Phạm Thị M trả số tiền lãi trong hạn từ ngày 15/7/2010 đến ngày 10/01/2011 là 93.400.000 đồng. Công ty AC không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Đối với số tiền lãi bà M đã trả 90.000.000 đồng đã được Công ty AC thừa nhận và các bên đương sự không yêu cầu xem xét lại, do đó căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét phần tiền lãi đã trả trên.

[4.2]. Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi phát sinh do chậm trả tiền, với mức 9%/năm đối với số tiền nợ gốc 950.000.000 đồng từ ngày 11/01/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm (16/01/2020):

Xét thấy yêu cầu tiền lãi do chậm trả tiền của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c Khoản 1 Điều 2, điểm b Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên chấp nhận.

Ngày 11/01/2011, bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên xác định là ngày tính lãi suất phát sinh do chậm trả tiền. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 16/01/2020) là 09 năm, 05 ngày; cụ thể:

950.000.000 đồng x 9%/năm x 09 năm x 00 tháng x 05 ngày = 770.687.500 đồng.

[5]. Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 buộc bà Phạm Thị M có nghĩa vụ trả cho Công ty AC số tiền nợ gốc 950.000.000 đồng và nợ lãi là 770.687.500 đồng, tổng cộng là 1.720. 687.500 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6]. *Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.*

Để vay tiền của Công ty AC, bà Phạm Thị M đã giao cho Công ty AC 01 bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN 416447 do Ủy ban nhân dân huyện Xuyên Mộc cấp cho bà Phạm Thị M ngày 08/01/2009, đối với thửa đất số 867, tờ bản đồ số 66 xã B, huyện Xuyên Mộc, diện tích đất 4.788m^2.

Xét thấy bà M giao cho Công ty AC giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để làm tin vay tiền, không làm thủ tục đăng ký thế chấp về giao dịch bảo đảm đối vơi quyền sử dụng đất trên theo quy định tại Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 1 Điều 130 Luật đất đai năm 2003; điểm c Khoản 1 Điều 10 và điểm a Khoản 1 Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Do đó, việc Công ty AC yêu cầu xử lý đối với Quyền sử dụng đất diện tích đất 4.788m^2 thuộc thửa đất số 867, tờ bản đồ số 66 xã B, huyện Xuyên Mộc là không có căn cứ chấp nhận.

Ngay khi bà Phạm Thị M trả xong các khoản nợ cho Công ty AC thì Công ty AC phải trả lại cho bà Phạm Thị M 01 bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN 416447 ngày 08/01/2009 do Ủy ban nhân dân huyện Xuyên Mộc cấp cho bà Phạm Thị M.

[7]. *Về án phí:* Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định; cụ thể: 36.000.000 đồng + 3% (của số tiền 920.687.500 đồng vượt quá 800.000.000 đồng) là 27.620.600 đồng = 63.620.600 đồng (Đã làm tròn số).

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8]. *Về chi phí tố tụng:* Công ty AC tạm ứng 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Tại phiên tòa Công ty AC tự nguyện chịu số tiền trên, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trên của Công ty AC.

[9]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 323, Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 357, Khoản 2 Điều 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, điểm c Khoản 1 Điều 217, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Khoản 2 Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 130 Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính AC về việc yêu cầu buộc bị đơn bà Phạm Thị M trả số tiền lãi phát sinh trong hạn từ ngày 15/7/2010 đến ngày 10/01/2011 là 93.400.000 đồng (Chín mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính AC về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với bị đơn bà Phạm Thị M.

Buộc bà Phạm Thị M có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính AC số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 1.720. 687.500 đồng (Một tỷ bảy trăm hai mươi triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng); trong đó nợ gốc là 950.000.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng) và nợ lãi là 770.687.500 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngay khi bà Phạm Thị M trả xong các khoản nợ cho Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính AC thì Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính AC phải trả lại cho bà Phạm Thị M 01 (Một) bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN

416447 do Ủy ban nhân dân huyện Xuyên Mộc cấp cho bà Phạm Thị M ngày 08/01/2009.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Phạm Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 63.620.600 đồng (Sáu mươi ba triệu sáu trăm hai mươi nghìn sáu trăm đồng).

- Trả lại cho Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính AC số tiền tạm ứng án phí đã nộp 20.250.00 đồng (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008012 ngày 12 tháng 4 năm 2019 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0001472 ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Về chi phí tố tụng: Việc xem xét, thẩm định tài sản đã chi hết số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính AC tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Duy